Người ký: Trường Chính trị tỉnh
Email: TCTQTC1@TCT
Cơ quan: Tỉnh ủy Bình Thuận
Thời gian ký: 28.07.2020 16:17:12 +07:00

TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bình Thuận, ngày 22 tháng 7 năm 2020

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1
Lớp BD kiến thức QLNN, chương trình chuyên viên - Khóa 37 (Năm 2020)
Ngày kiểm tra: 29/6/2020

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Nguyễn Việt	Anh	07/3/1996	Bình Thuận	8	7,0	Bảy	
02	02	Huỳnh Thị	Bền	20/5/1977	Bình Thuận	49	6,5	Sáu rưỡi	
03	03	Thanh Thị Thu	Bồng	30/3/1994	Bình Thuận	44	7,5	Bảy rưỡi	
04	04	Trần Ngọc	Cường	22/02/1979	Bình Thuận	45	6,5	Sáu rưỡi	
05	05	Huỳnh Ngọc	Châu	28/8/1979	Bình Thuận	25	7,5	Bảy rưỡi	
06	06	Ngô Thị Anh	Chi	06/5/1979	Bình Thuận	41	7,0	Bảy	
07	07	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/11/1979	Bình Thuận	43	6,5	Sáu rưỡi	
08	08	Trần Thị Bích	Đào	06/6/1970	Trà Vinh	47	6,0	Sáu	
09	09	Nguyễn Đăng	Đính	02/12/1988	Quảng Ngãi	9	6,5	Sáu rưỡi	
10	10	Nguyễn Minh	Đông	25/5/1988	Bình Định	65	7,0	Bảy	
11	11	Nguyễn Chí	Đông	21/12/1985	Bình Thuận	50	7,5	Bảy rưỡi	
12	12	Lâm Thị Hồng	Giang	25/8/1981	Bình Thuận	23	6,0	Sáu	
13	13	Bùi Thị Thu	Hà	02/8/1982	Hà Tĩnh	40	7,5	Bảy rưỡi	
14	14	Nguyễn Hồng	Hải	15/5/1981	Bình Thuận	17	6,5	Sáu rưỡi	
15	15	Lê Thị Mỹ	Hằng	02/4/1991	Bình Thuận	36	6,5	Sáu rưỡi	
16	16	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/7/1980	Hải Phòng	18	7,5	Bảy rưỡi	
17	17	Trần Thị Minh	Hiếu	27/4/1984	Bình Thuận	16	7,0	Bảy	
18	18	Phạm Thành	Hiệu	05/3/1978	Bình Thuận	13	7,0	Bảy	
19	19	Nguyễn Thị Minh	Hoa	01/5/1987	Bình Thuận	52	7,0	Bảy	
20	20	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1980	Bình Thuận	69	7,0	Bảy	
21	21	Võ Trung	Hùng	01/01/1983	Bình Thuận	70	7,5	Bảy rưỡi	
22	22	Võ Thị Mỹ	Huyền	24/8/1993	Bình Thuận	32	8,0	Tám	
23	23	Võ Thị Băng	Huyền	21/4/1981	Long An	22	6,0	Sáu	
24	24	Phạm Văn	Hưng	27/5/1988	Bình Thuận	31	7,5	Bảy rưỡi	
25	25	Mai Thị Thúc	Lam	04/12/1979	Bình Thuận	10	7,0	Bảy	
26	26	Lê Mai	Liên	08/10/1990	Thanh Hóa	11	8,0	Tám	
27	27	Nguyễn Thị Thùy	Lin	30/12/1984	Bình Thuận	2	7,0	Bảy	
28	28	Nguyễn Thị	Lũy	08/4/1987	Bình Thuận	7	6,5	Sáu rưỡi	
29	29	Vũ Trọng	Minh	30/01/1983	Bình Thuận	26	7,0	Bảy	
30	30	Trần Thị Bích	Mỹ	01/7/1989	Bình Thuận	57	8,0	Tám	
31	31	Lâm Thị Kim	Nga	22/12/1983	Bình Thuận	71	7,5	Bảy rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
32	32	Hoàng Thị	Ngoan	24/02/1986	Quảng Trị	48	6,0	Sáu	
33	33	Huỳnh Thị Yến	Ngọc	12/3/1972	Bình Thuận	42	8,0	Tám	
34	34	Phạm Quang	Nguyên	15/9/1991	Hà Tĩnh	77	7,0	Bảy	
35	35	Lê Nguyễn Tấn	Nhật	25/11/1979	Bình Thuận	61	6,5	Sáu rưỡi	
36	36	Lê Thị	Nhung	05/6/1998	Bình Phước	59	7,5	Bảy rưỡi	
37	37	Từ Thị Mỹ	Oanh	24/8/1983	Bình Thuận	79	7,0	Bảy	
38	38	Thanh	Pháp	30/5/1985	Bình Thuận	51	6,5	Sáu rưỡi	
39	39	Trần Kiều	Phụng	09/11/1990	Bình Thuận	66	7,5	Bảy rưỡi	
40	40	Nguyễn Thị	Phương	23/7/1985	Thanh Hóa	53	7,0	Bảy	
41	41	Phạm Văn	Quý	06/9/1967	Bình Thuận	58	7,0	Bảy	
42	42	Đỗ Minh	Quyên	18/11/1996	Bình Thuận	76	7,5	Bảy rưỡi	
43	43	Nguyễn Văn	Sành	02/02/1982	Quảng Trị	30	7,0	Bảy	
44	44	Nguyễn Minh	Sơn	01/01/1984	Quảng Ngãi	74	6,5	Sáu rưỡi	
45	45	Lê Minh	Sương	04/01/1985	Bình Thuận	64	7,0	Bảy	
46	46	Dương Hữu	Tâm	02/10/1979	Bình Thuận	78	7,0	Bảy	
47	47	Lê Thị Thanh	Tâm	16/5/1987	Bình Thuận	38	7,0	Bảy	
48	48	Lê Thị Hạnh	Tâm	08/3/1996	Bình Thuận	39	7,0	Bảy	
49	49	Đoàn Minh	Tâm	01/3/1991	Bình Thuận	75	7,0	Bảy	
50	50	Lê Đình	Tâm	16/3/1989	Bình Thuận	19	7,5	Bảy rưỡi	
51	51	Nguyễn Thanh	Tuấn	22/7/1981	Bình Thuận	15	6,5	Sáu rưỡi	
52	52	Hà Thanh	Tùng	25/8/1988	Bình Thuận	29	7,5	Bảy rưỡi	
	53	Nguyễn Đức Vĩnh	Tuyên	20/5/1989	Bình Thuận				*Không đủ điều kiện*
53	54	Nguyễn Chí	Thái	27/01/1968	Bình Thuận	37	7,0	Bảy	
54	55	Trần Tiến	Thành	26/3/1986	Bình Thuận	56	6,5	Sáu rưỡi	
55	56	Nguyễn Công	Thành	1982	Bình Thuận	34	8,0	Tám	
56	57	Trần Thị Minh	Thảo	12/12/1986	Bình Thuận	63	7,5	Bảy rưỡi	
57	58	Đinh Thị Phương	Thảo	07/7/1984	Bình Thuận	6	6,5	Sáu rưỡi	
58	59	Phan Thị	Thảo	02/3/1989	Bình Thuận	27	8,5	Tám rưỡi	
59	60	Phan Minh	Thắng	12/4/1975	Bình Thuận	5	7,0	Bảy	
60	61	Trương Vũ	Thắng	13/9/1989	Bình Thuận	46	6,0	Sáu	
61	62	Trần Đức	Thiện	25/6/1989	Bình Thuận	1	8,0	Tám	
62	63	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	28/10/1984	Bình Thuận	4	6,5	Sáu rưỡi	
63	64	Xích Thị Hương	Thơm	27/5/1990	Bình Thuận	20	7,5	Bảy rưỡi	
64	65	Trần Thu	Thủy	27/5/1977	Hà Nội	55	7,5	Bảy rưỡi	
65	66	Trần Thị Lệ	Thủy	27/12/1989	Bình Thuận	33	8,5	Tám rưỡi	
66	67	Cao Thị	Thương	15/7/1996	Bắc Giang	68	7,0	Bảy	
67	68	Trần Thị Huyền	Trang	03/9/1990	Thanh Hóa	62	7,5	Bảy rưỡi	
68	69	Đào Thị Thùy	Trang	02/5/1985	Bến Tre	14	7,5	Bảy rưỡi	
69	70	Võ Thị Mai	Trinh	14/10/1972	Bình Thuận	28	7,0	Bảy	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
70	71	Trần	Trung	16/12/1992	Bình Thuận	24	6,0	Sáu	
71	72	Lê Văn	Trung	23/6/1988	Thái Bình	12	6,5	Sáu rưỡi	
72	73	Trần Hữu	Trường	25/12/1976	Ninh Thuận	73	6,5	Sáu rưỡi	
73	74	Trịnh Xuân	Trường	20/7/1993	Thanh Hóa	67	7,5	Bảy rưỡi	
74	75	Ngô Đình Phương	Uyên	04/11/1982	Bình Thuận	72	7,0	Bảy	
75	76	Trần Thị Mỹ	Vân	16/3/1989	Bình Thuận	3	6,5	Sáu rưỡi	
76	77	Trần Ngọc Thúy	Vân	01/01/1984	Bình Thuận	60	6,5	Sáu rưỡi	
77	78	Bùi Thị Đoàn	Viên	04/3/1984	Bình Thuận	35	6,0	Sáu	
78	79	Phạm Duy	Vũ	29/9/1978	Bình Thuận	54	6,5	Sáu rưỡi	
79	80	Đặng Văn	Vưng	26/10/1981	Bình Thuận	21	6,5	Sáu rưỡi	

Tổng số bài: **79** bài

Trong đó:

* Điểm 8,5: 02 bài
* Điểm 8,0: 06 bài
* Điểm 7,5: 19 bài
* Điểm 7,0: 25 bài
* Điểm 6,5: 20 bài
* Điểm 6,0: 07 bài

Tỷ lệ:

Giỏi: 08 bài (Tỉ lệ: 10,13 %)

Khá: 44 bài (Tỉ lệ: 55,70 %)

TB: 27 bài (Tỉ lệ: 34,18 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đinh Thị Thương

TRƯỞNG KHOA NN VÀ PL

ThS. Nguyễn Duy Hà

T/L HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Người ký: Nguyễn Thị Như Yến
Email: NGUYEN THI NHU YEN@TCT
Cơ quan: Trường Chính trị tỉnh, Tỉnh ủy Bình Thuận
Chức vụ: Trưởng phòng
Thời gian ký: 28.07.2020 15:11:33 +07:00

ThS. Nguyễn Thị Như Yến